

Bản án số: 50/2025/HC-PT

Ngày: 22/01/2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lê;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 607/2024/TLPT-HC ngày 21/11/2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐ-PT ngày 06/01/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A Tòa nhà S, phường K, quận H, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2024); (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Luật sư Đỗ Ngọc T – Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Ô P – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 429/QĐ-UBND ngày 06/3/2024); (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Ngô Văn X – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B; (Vắng mặt) và ông Nguyễn Đức H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang; (Vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Đức H1 – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 803/QĐ-UBND ngày 08/3/2024); (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Văn H2 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (Vắng mặt) và ông Nguyễn Văn V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T; (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị H3, sinh năm 1969; địa chỉ: Thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; (Vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị H4, sinh năm 1976; địa chỉ: Thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; (Vắng mặt).

3. Anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; (Vắng mặt).

4. Chị Phạm Thị H5, sinh năm 1987; địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị H3, chị H4, anh Đ, chị H5: Chị Phạm Thị H (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023); (Vắng mặt).

5. Chị Thạch Thị T1, sinh năm 1986; (Vắng mặt) và anh Phạm Tiến Đ1, sinh năm 2006; (Vắng mặt); địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là chị Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là chị Phạm Thị H trình bày:

Thửa đất số 291, tờ bản đồ số 5, diện tích 724m², địa chỉ tại thôn T, xã N (nay là Tổ dân phố T, thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc của các cụ để lại cho ông Phạm Xuân C, bà Trần Thị H6 (là bố, mẹ chị H) quản lý, sử dụng ổn định, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Năm 2003, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) hộ ông Phạm Xuân C đối với thửa đất số 291, tờ bản đồ số 5, diện tích 640,9m²; phần diện tích còn lại 83,1m² xác định là đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông đường TL.294 không được cấp GCNQSDĐ nên ông C, bà H6 yêu cầu cán bộ địa chính xã giải thích.

Theo cán bộ địa chính xã N, phần diện tích đất 83,1m², gia đình ông bà vẫn sử dụng bình thường nhưng không được xây dựng công trình kiên cố, nếu xây phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, khi Nhà nước thu hồi đất để làm đường sẽ được bồi thường theo quy định.

Do đó, khi UBND huyện T thu hồi một phần diện tích đất 18m² để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường TL.294 trên địa bàn thị trấn N không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai trong việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi, bà Trần Thị H6 (lúc còn sống) đã tiến hành khiếu nại (lần đầu) hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 15/8/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3921/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H6 (lần đầu), (viết tắt là *Quyết định số 3921/QĐ*).

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3921/QĐ, bà H6 tiếp tục làm đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 18/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1565/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H6 (lần hai), (viết tắt là *Quyết định số 1565/QĐ*).

Ngày 20/11/2023, bà H6 chết; không đồng ý với các Quyết định giải quyết khiếu nại trên, chị Phạm Thị H (là người đại diện thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị H6 theo Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023 của các thành viên trong gia đình bà H6) khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 3921/QĐ của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang.
2. Hủy Quyết định số 1565/QĐ của Chủ tịch UBND tỉnh B.
3. Buộc UBND huyện T thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 18m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B (do ông Lê Ô P đại diện) trình bày:

Sau khi UBND thị trấn N ban hành Kế hoạch lập lại trật tự vỉa hè và Thông báo các hộ dân di chuyển cây xanh, tháo dỡ mái che, mái vẩy, biển quảng cáo, các công trình trên đất thực hiện Dự án mở rộng đường TL.294, người khởi kiện cùng một số hộ dân khác không nhất trí, có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND huyện T, đề nghị bồi thường về đất cùng tài sản gắn liền với đất khi thu hồi đất.

Ngày 15/8/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3921/QĐ giải quyết đơn khiếu nại. Không nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại trên, người khởi kiện tiếp tục gửi đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 18/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1565/QĐ về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1565/QĐ về việc giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

Do diện tích đất bà H6 đề nghị bồi thường là đất hành lang giao thông, không được cấp GCNQSDĐ nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 và khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; tài sản tạo lập trên đất hành lang giao thông không đúng quy định nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 75, khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1565/QĐ không chấp nhận đơn khiếu nại của bà H6 là đúng quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang (do ông Nguyễn Đức HI đại diện) trình bày:

Thửa đất thổ cư tại Tổ dân phố T, thị trấn N có nguồn gốc là đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Bản đồ địa chính xã N đo đạc năm 2002 thể hiện thửa đất của hộ gia đình người khởi kiện tại thửa số 291, tờ bản đồ số 5. Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2017, thửa đất của hộ gia đình được thể hiện tại thửa số 149, diện tích 133,3m²; thửa số 150, diện tích 126,3m²; thửa số 157, diện tích 394m²; cùng tờ bản đồ số 31.

Theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 17/11/2003, thửa đất số 291, tờ bản đồ số 5 được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Phạm Xuân C, diện tích 640,9m², trong đó có 360m² đất ở và 280,9m² đất vườn; diện tích còn lại là 87,3m² thuộc đất hành lang giao thông (theo trích lục bản đồ địa chính xã N đo đạc năm 2002 thể hiện thửa đất trên được cấp GCNQSDĐ cách tim đường giao thông 9,4m).

Theo kết quả trích lục bản đồ của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện T thì ranh giới thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp đường TL.294 đoạn từ ngã ba T, huyện Y đến xã P, huyện T là 7,6m từ tim đường trở ra 2 bên, chỉ giới thực hiện Dự án chưa đến ranh giới thửa đất số 149, thửa đất số 150 và thửa đất số 157.

Ngày 01/7/2021, UBND thị trấn N ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND về việc xây dựng kế hoạch lập lại trật tự vỉa hè, hành lang an toàn giao thông đường bộ năm 2021 trên địa bàn thị trấn N. Sau khi thực hiện thống kê, kiểm đếm công trình, tài sản, cây cối, vật kiến trúc nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, UBND thị trấn N Nam ban hành Thông báo số 28/TB-UBND ngày 16/7/2021, Thông báo số 31/TB-UBND ngày 22/7/2021, Thông báo số 34/TB-UBND ngày 28/7/2021 về việc di chuyển cây xanh, tháo dỡ mái che, mái vẩy, biển quảng cáo, các công trình trên đất thực hiện mở rộng đường TL.294 trên địa bàn thị trấn N. UBND thị trấn N đã tổ chức giải tỏa theo quy định, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

Theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng

(nay là Chính phủ) và Chỉ thị số 13/CT-UB ngày 11/8/1983 của UBND tỉnh H (nay là tỉnh Bắc Giang), Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ, trong đó đường TL.294 là 10m.

Tuy nhiên, đường TL.294 quy hoạch thành đường cấp IV nên giới hạn hành lang an toàn giao thông là 10m theo quy định tại Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05/11/2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Quyết định số 124/2012/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh B, trong đó đường bộ đường TL.294 có phần đất hành lang an toàn giao thông là 10m gồm: Đất bảo trì đường bộ rộng 1m và đất hành lang an toàn đường bộ rộng 9m.

Theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh B quy định hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường TL.294 có phần đất hành lang an toàn giao thông là 15m gồm đất bảo trì đường bộ rộng 2m và đất hành lang an toàn đường bộ rộng 13m.

Như vậy, trước năm 2018, đường TL.294 có hành lang giao thông là 10m; sau năm 2018, hành lang giao thông của đường TL.294 là 15m.

Do đó, diện tích đất người khởi kiện đề nghị bồi thường là đất hành lang giao thông, không được cấp GCNQSDĐ nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 và khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; tài sản tạo lập trên đất hành lang giao thông không đúng quy định nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 205; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 18, Điều 21, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 37, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 82, Điều 92 và khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc đề nghị Tòa án:

1. Hủy Quyết định hành chính số 3921/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H6 (lần đầu).

2. Hủy Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch

UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị H6 (lần hai).

3. Buộc UBND huyện T thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 18m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 19/8/2024, người khởi kiện là chị Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vắng mặt, không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị H; sửa bản án hành chính theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Kháng cáo của chị Phạm Thị H trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của chị Phạm Thị H là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của chị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Ngày 19/8/2024, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo chị Phạm Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; chị H đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Căn cứ Điều 209 Luật Tố tụng hành chính kháng cáo của chị H được xem xét theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phạm Thị H là người khởi kiện (người kháng cáo) đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Phạm Thị H3, chị Phạm Thị H4, anh Phạm Xuân Đ, chị Phạm Thị H5) vắng mặt; người đại diện hợp pháp của chị H là chị Phạm Thị M vắng mặt nhưng chị Phạm Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B; Chủ tịch và UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang vắng mặt. Xét các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, phiên tòa phúc thẩm mở lần hai; căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[1.3] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Quyết định số 3921/QĐ của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 1565/QĐ của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại; buộc UBND huyện T thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 18m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án:

Ngày 15/8/2023, Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 3921/QĐ, không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3921/QĐ, bà H6 (mẹ chị H) tiếp tục làm đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh B. Ngày 18/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1565/QĐ. Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại trên, ngày 26/12/2023, chị Phạm Thị H (đại diện hộ gia đình bà H6) nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H được thực hiện trong thời hạn khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của chị Phạm Thị H:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3921/QĐ của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang:

[2.1.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 01/7/2021, UBND thị trấn N ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND về việc xây dựng kế hoạch lập lại trật tự vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ năm 2021 trên địa bàn để phục vụ việc khởi công thi công Dự án cải tạo nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 294 (viết tắt là đường TL.294).

Ngày 16/7/2021 và ngày 22/7/2021, UBND thị trấn N ban hành Thông báo số 28/TB-UBND và Thông báo số 31/TB-UBND về việc thông báo di chuyển cây xanh, tháo dỡ mái che, mái vẩy, biển quảng cáo, các công trình trên đất thực hiện mở rộng đường TL.294 trên địa bàn thị trấn, trong đó có hộ gia đình bà Trần Thị H6, gồm 02 cây sấu (BL 209 – BL 212).

Ngày 20/5/2022, bà H6 có Đơn khiếu nại đến UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang về việc thu hồi đất và bồi thường khi thu hồi đất trái quy định pháp luật (BL 130).

Ngày 15/8/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3921/QĐ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3921/QĐ về việc giải quyết khiếu nại là đảm bảo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 18, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, ngày 15/8/2023, Chủ tịch UBND huyện T mới ban hành Quyết định số 3921/QĐ là quá thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011. UBND huyện T cần rút kinh nghiệm trong việc giải

quyết đơn khiếu nại.

[2.1.2] Về nội dung:

[2.1.2.1] Xét thấy, thửa đất số 291, tờ bản đồ số 5, diện tích 640,9m² tại Tổ dân phố T, thị trấn N có nguồn gốc là đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

[2.1.2.2] Theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 17/11/2003, thửa đất số 291, tờ bản đồ số 5 được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ diện tích 640,9m² trong đó có 360m² đất ở và 280,9m² đất vườn; phần diện tích đất còn lại 87,3m² thuộc đất hành lang giao thông (trích lục bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 thể hiện thửa đất trên được cấp GCNQSDĐ cách tim đường giao thông 9,4m) không được cấp vào GCNQSDĐ là đúng quy định của pháp luật.

[2.1.2.3] Do đó, diện tích đất bà H6 khiếu nại là đất hành lang giao thông, không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ nên sau khi bà H6 chết, chị H khởi kiện UBND huyện T về việc không bồi thường về đất ở và tài sản trên đất cho gia đình chị khi mở rộng, nâng cấp đường TL.294 là không có cơ sở; UBND thị trấn N đã có Kế hoạch giải tỏa hành lang nên tài sản được tạo lập trên đất hành lang giao thông không được bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.2.4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đề nghị hủy Quyết định số 3921/QĐ của Chủ tịch UBND huyện T là có căn cứ.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1565/QĐ của Chủ tịch UBND tỉnh B:

[2.2.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành:

Sau khi nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 3921/QĐ, không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND huyện T, người khiếu nại (bà H6) tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Sau khi thụ lý đơn khiếu nại trên, Chủ tịch UBND tỉnh B giao Sở T xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành tổ chức đối thoại lần hai. Trên cơ sở tiến hành đối thoại và báo cáo của Sở T, ngày 18/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1565/QĐ là đúng hình thức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 2 Điều 21, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2.2] Về nội dung:

[2.2.2.1] Như đã phân tích ở đoạn [2.1.2], việc UBND huyện T thu hồi 18m² đất ở tại thửa số 291, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Thôn T, xã N (nay là Tổ dân phố T, thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang là đất hành lang giao thông và không bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2.2.2] Do đó, Quyết định số 3921/QĐ của Chủ tịch UBND huyện T bác yêu cầu khiếu nại của bà H6 là có căn cứ nên Quyết định số 1565/QĐ của Chủ tịch UBND tỉnh B với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại và giữ nguyên

Quyết định số 3921/QĐ của Chủ tịch UBND huyện T là có cơ sở.

[2.2.2.3] Vì vậy, Quyết định số 1565/QĐ về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy UBND huyện T thu hồi đất với diện tích 18m² đất thửa số 291, tờ bản đồ số 5 để thực hiện Dự án là đất hành lang giao thông nên việc UBND huyện T không cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất này là đúng quy định pháp luật. Diện tích 18m² đất bị thu hồi không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 75; khoản 2, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Tài sản của người khởi kiện được tạo lập trên đất hành lang giao thông trái quy định pháp luật nên không được bồi thường đối với tài sản trên diện tích 18m² đất ở bị thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

[2.4] Do đó, việc UBND huyện T không ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người khởi kiện đối với 18m² đất ở tại thửa số 291, tờ bản đồ số 5 thôn T, xã N (nay là Tổ dân phố T, thị trấn N), huyện T, tỉnh Bắc Giang và tài sản trên đất là phù hợp với quy định tại Điều 62, Điều 63, Điều 74, Điều 75, Điều 88, Điều 157 Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện buộc UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 18m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp đường TL.294 trên địa bàn thị trấn N cho hộ bà Trần Thị H6 là có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phạm Thị H và người đại diện hợp pháp của chị H là chị Phạm Thị M vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Kháng cáo của chị Phạm Thị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là chị Phạm Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính

phúc thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000004 ngày 20/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị H đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm